



Máy in để bàn

Dòng G500

Sức mạnh của công nghệ cao với giá cả phù hợp với khách hàng

"Công nghệ cảm biến kép" giúp G500 trở nên hoàn hảo để in trên tất cả các loại vật liệu đặc biệt dành cho các ứng dụng bán lẻ và công nghiệp



Dài băng 300 mét cùng với giá đỡ nhãn tùy chọn cung cấp khối lượng in tối đa



Công nghệ "Cảm biến kép" cho phép bạn sử dụng nhiều loại nhãn



Kết hợp giao diện có sẵn bao gồm: USB2.0, Nối tiếp và Ethernet USB2.0, và Song song



Thiết kế theo cơ chế ổn định và mạnh mẽ mang lại độ đáng tin cậy lâu dài

GoDEX



Specification

G500 / G530

Model		G500		G530	
Phương pháp in		Truyền nhiệt / Nhiệt trực tiếp			
Độ phân giải		203 dpi (8 chấm / mm)		300 dpi (12 chấm / mm)	
Tốc độ in		5 IPS (127 mm/s)		4 IPS (102 mm/s)	
Chiều rộng bản in		4,25" (108 mm)		4,16" (105,7 mm)	
Độ dài bản in		Tối thiểu. 0,16 " (4 mm) **; Tối đa 68 " (1727 mm)		Tối thiểu. 0,16" (4 mm) **; Tối đa 30" (762 mm)	
Bộ vi xử lý		32 Bit RISC CPU			
Bộ nhớ		Flash	8 MB Flash (4 MB sử dụng lưu trữ)		
		SDRAM	16MB		
Loại cảm biến		Cảm biến phản xạ có thể điều chỉnh 2 cảm biến truyền cố định và được căn giữa			
Decal mã vạch		Các loại:	Dạng liên tục, nhãn khoảng cách, cảm biến dấu đen và đục lỗ, chiều dài nhãn được đặt bằng cảm biến tự động hoặc lập trình		
		Chiều rộng	1" (25,4 mm) Min. – 4,64" (118 mm) Max.		
		Độ dày	0,0024" (0,06 mm) Min. - 0,01" (0,25 mm) Max.**		
		Đường kính cuộn decal	Max. 5" (127 mm)		
		Đường kính lõi	1" (25,4 mm), 1,5" (38,1mm), 3" (76,2mm)		
Ruy băng mực		Các loại	Wax, wax/resin, resin		
		Đường kính cuộn băng	2,67" (68 mm)		
		Đường kính lõi	1" (25,4 mm)		
		Chiều dài	981' (300 m)		
		Chiều rộng	1,18" Min. - 4,33" (30 mm - 110 mm) Max.		
Ngôn ngữ máy in		Tự động chuyển ngôn ngữ EZPL, GEPL, GZPL			
Phần mềm		Phần mềm thiết kế nhãn	GoLabel (chỉ dành cho máy có ngôn ngữ EZPL)		
		Driver	Windows 2000, XP, Vista, Windows 7, 8.1 and 10 , Windows Server 2003 & 2008 &2012 、 MAC 、 Linux		
		DLL	Win CE, .NET, Andriod, Windows Mobile, Windows 2000 / XP / VISTA / Windows 7 / Windows 8.1/Windows 10		
Phông chữ tích hợp		Phông Bitmap	6, 8, 10, 12, 14, 18, 24, 30, 16X26 and OCR A & B Phông chữ bitmap có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270° Phông chữ bitmap có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc Phông TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0 °, 90 °, 180 °, 270 °		
Phông chữ tải xuống		Phông TTF	Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270° 0°, 90°, 180°, 270° rotatable and 8 times expandable in horizontal and vertical directions		
		Phông Bitmap	Phông TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0 °, 90 °, 180 °, 270 °		
		Phông Asian			
		Phông TTF			
Mã vạch		Mã vạch 1D	China Postal Code, Codabar, Code 11, Code 32,Code 39, Code 93, Code 128 (subset A, B, C), EAN-8, EAN-13, EAN 8/13 (with 2 & 5 digits extension), EAN 128, FIM, German Post Code, GS1 DataBar, HIBC, Industrial 2 of 5 , Interleaved 2-of-5 (I 2 of 5), Interleaved 2- of 5 with Shipping Bearer Bars, ISBT – 128, ITF 14, Japanese Postnet, Logmars, MSI, Postnet, Plessey, Planet 11 & 13 digit, RPS 128, Random Weight, Standard 2 of 5, Telepen, UPC-A, UPC-E, UPC-A and UPC-E with EAN 2 or 5 digit extension, UCC 128, UCC/EAN-128 K-Mart		
		Mã vạch 2D	Aztec code, Code 49,Codablock F , Datamatrix code, MaxiCode, Micro PDF417, Micro QR code, PDF417, QR code, TLC 39		
Bộ mã		CODEPAGE 437, 850, 851, 852, 855, 857, 860, 861, 862, 863, 865, 866, 869, 737 WINDOWS 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1257 Unicode UTF8 、 UTF16BE 、 UTF16LE			
Đồ họa		Các loại tệp đồ họa tích hợp là BMP và PCX, các định dạng đồ họa khác có thể tải xuống từ phần mềm			
Cổng kết nối		USB Device (B-Type)	USB Device (B-Type) Serial port: RS-232 (DB-9) IEEE 802.3 10/100 Base-Tx Ethernet port (RJ-45)	USB Device (B-Type)	USB Device (B-Type) Serial port: RS-232 (DB-9) IEEE 802.3 10/100 Base-Tx Ethernet port (RJ-45)
Bảng điều khiển		Hai đèn LED trạng thái hai màu: Sẵn sàng, Trạng thái Phím điều khiển: FEED			
Điện năng yêu cầu		Tự động chuyển 100-240VAC, 50-60Hz			
Đồng hồ thời gian thực		Tiêu chuẩn			
Môi trường		Nhiệt độ hoạt động	41°F to 104°F (5°C to 40°C)		
		Nhiệt độ bảo quản	-4°F to 122°F (-20°C to 50°C)		
Độ ẩm		Hoạt động	30-85%, không ngưng tụ		
		Bảo quản	10-90%, không ngưng tụ		
Chứng nhận		CE (EMC), FCC Class A, CB, CCC, cUL, KCC, BIS, EAC			
Kích thước		Chiều dài	11,2" (285 mm)		
		Chiều cao	6,8" (171 mm)		
		Chiều rộng	8,9" (226 mm)		
Khối lượng		5,51 lbs (2,5 Kg) , Không bao gồm vật tư tiêu hao			
Tùy chọn thêm		Dao cắt tự động Máy bóc tem nhãn tự động Giá đỡ cuộn tem nhãn bên ngoài, đường kính tối đa 10" (250mm). Máy cuộn decal tự động			

** Thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo. Tất cả các tên công ty và/hoặc tên sản phẩm đều là nhãn hiệu và/hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

Việc tuân thủ thông số về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa có thể phụ thuộc vào sự khác nhau về chất liệu không tiêu chuẩn như: loại nhãn, độ dày, khoảng cách, cấu trúc lót, v.v. GoDEX vui lòng kiểm tra các chất liệu không tiêu chuẩn về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa.